

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/03/2021

“ V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Triều Châu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Trung Diễn.
2. Bà Thiều Thị Phi Loan

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mạnh Tuấn- Thư ký TAND TP.Biên Hòa.

***- Đại diện VKSND thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/01/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Lê Công T, sinh năm 1971.

Trú tại: 105 A, khu phố 2, phường Q, thành phố B, tỉnh Đ.

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1971.

Trú tại: 39C, khu phố Bình Hòa, phường Hóa An, thành phố B, tỉnh Đ.

( Ông T, bà T1 có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai của nguyên đơn ông Lê Công T trình bày: ông và bà Nguyễn Thị Hồng T1 tự nguyện yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường H, Thành phố B, Tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên gây gổ và đã sống ly thân hơn 03 năm. Nay ông không còn tình cảm với bà T1 nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc ông T đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

\*Bà Nguyễn Thị Hồng T1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và có bản tự khai như sau: Bà T1 đồng ý ly hôn với ông T vì tình cảm không còn; vợ chồng sống không có hạnh phúc và đã ly thân với nhau.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không có;

Về nợ chung: Không thiếu nợ ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hôn nhân giữa ông T và bà T1 là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông T có căn cứ.

Về con chung: Các đương sự không có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết;

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Ông Lê Công T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng T1 cư trú tại phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà T1 về việc thụ lý vụ án, làm việc, hòa giải, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa. Bà T1 đã có bản tự khai và có đơn xin vắng mặt. Ông Lê Công T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà T1 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của ông T và bà T1 thì vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên gây gổ nhau và đã sống ly thân. Tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với bà T1 để ông ổn định cuộc sống mới. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà T1 thật sự trầm trọng không thể hàn gắn được, ông T và bà T1 đã sống ly thân, Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải hàn gắn đoàn tụ nhưng ông T cương quyết ly hôn không đồng ý đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng T1.

[3] Về con chung: Các đương sự không có con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, ông T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên cần ghi nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 207 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 9,10,11,12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Căn cứ các Điều 56 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.**Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công T. Ông Lê Công T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng T1.

**2.**Về Con chung: Các đương sự không có con chung.

**3.**Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có tài sản chung và nợ chung.

**4.** Về án phí: Ông Lê Công T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa, biên lai số 0009806 ngày 08/01/2021. Ông T đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND TP.Biên Hòa (2);
- Chi cục THA dân sự TP.Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND phường H, Biên Hòa (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu văn phòng (1).

**Nguyễn Triều Châu**

